

# GIÁO DỤC Ý THỨC PHÁP LUẬT CHO NGƯỜI THÁI THÔNG QUA LUẬT TỤC

TRẦN THỊ NGỌC ANH\* - HOÀNG VĂN SƠN\*\*

Ngày nhận bài: 8/12/2016; ngày sửa chữa: 10/12/2016; ngày duyệt đăng: 13/12/2016.

**Abstract:** In the context of integration, cultural exchange and interference is inevitable, yet traditional values are still respected and preserved in many regions of our country such as Thai ethnic group. In this article, authors mention customary law - a unique cultural value of Thai people in our country shown in educating legal awareness for people to build a rules-based society. Also, the article proposes recommendations to promote value of the customary law in socio-economic development of Son La province in current period.

**Keywords:** Customary law; Thai ethnic group; educate, legal awareness.

## 1. Đôi nét về luật tục và luật tục Thái

Luật tục là một hình thái ý thức xã hội được nảy sinh chủ yếu trong điều kiện lịch sử của xã hội tiền nhà nước, trước khi có pháp luật, giữ vai trò cơ bản trong điều hành và quản lý xã hội. Đã có nhiều quan điểm khác nhau về Luật tục, nhưng cơ bản đều thống nhất với định nghĩa: “*Luật tục là những quy tắc xử sự mang tính chất bắt buộc do các cộng đồng, làng xã xây dựng nên và được lưu truyền từ đời này sang đời khác*”. Về hình thức tồn tại, luật tục có thể được văn bản hóa hoặc truyền miệng. Bản thân khái niệm “luật tục” cho chúng ta thấy bao gồm hai phần: phần luật (chủ yếu được văn bản hóa) và phần tục lệ (có phần được văn bản hóa và có phần được tồn tại bằng truyền miệng).

Luật tục Thái được hình thành khi xã hội Thái đã bước vào giai đoạn phong kiến sơ kì, thể hiện vai trò tối cao của chúa đất là *án nha* (tương đương với một lãnh chúa phong kiến). Cũng giống như luật tục của người Việt, luật tục Thái có phần đã được văn bản hóa là các quy định mang tính luật, một phần thuộc về lệ tục và các lời khuyên răn “*quam son côn*” gọi là “*Hít khoong bản mường*”. Như vậy, có thể hiểu luật tục Thái là một hệ thống các quy tắc xử sự do cộng đồng người Thái xây dựng nên trong lịch sử phát triển của mình nhằm điều chỉnh hành vi của các cá nhân trong xã hội, các quy định trong tổ chức các nghi lễ truyền thống và được lưu truyền cho thế hệ tiếp sau. Khác với hương ước của người Việt thể hiện phạm vi tác động trong một làng, luật tục Thái có giá trị điều chỉnh cả khu vực bản mường, có những quy định còn ảnh hưởng đến cả cộng đồng tộc người Thái ở nhiều địa phương, quốc gia khác nhau, tạo nên những nét văn hóa đặc trưng tiêu biểu cho dân tộc mình.

Một nét riêng của luật tục Thái là thiên về giáo dục, răn đe và phòng ngừa là chính, các hình phạt đối với từng loại tội phạm không có giới hạn về mức độ và có các hình thức giáo dục từ thấp đến cao đối với mọi

hành vi tội phạm, nhưng không kèm theo các thiết chế về nhà tù hay hình phạt.

## 2. Giáo dục ý thức pháp luật qua luật tục Thái

Đứng trên bình diện thế giới quan triết học duy vật biện chứng và ý thức hệ của lớp người đi sau, chúng tôi nhận thấy giá trị giáo dục của luật tục Thái thể hiện trên nhiều bình diện, đặc biệt có giá trị trong giáo dục pháp luật cho người dân. Giá trị ấy thông qua việc thấu hiểu một số khía cạnh:

**2.1. Giáo dục ý thức bình đẳng giới, tôn trọng phụ nữ.** Tộc người Thái đã xuất hiện từ trước công nguyên ở Trung Hoa cổ đại, về sau do tác động của phong trào Nam Chiếu mà họ đã có những cuộc thiên di xuống phía Nam và định cư tập trung ở Vân Nam Trung Quốc. Người Thái đến Việt Nam vào khoảng thế kỉ XI, XII, cho đến nay chưa có đủ cứ liệu để xác định niên đại cụ thể, nhưng có thể khẳng định không sớm hơn thế kỉ XI và không muộn hơn thế kỉ XII, định cư tập trung tại Mường Lò, Yên Bái, rồi sau đó, nói theo ngôn ngữ Thái: Mường Lò đất chật, người đông, Lạng Chượng đưa người đi khai phá và chinh phạt các tộc người ở Tây Bắc mà người Thái đến sống ở Điện Biên, Lai Châu, Sơn La... Còn một nhánh khác di cư từ Thái Lan sang và định cư ở khu miền Tây một số tỉnh Bắc Trung bộ nước ta.

Luật tục Thái được xây dựng trong thời kì xã hội phong kiến sơ kì khi chế độ phụ quyền đã được xác lập, nhưng vẫn mang dấu ấn của chế độ cộng sản nguyên thủy khi đề cao triết lí *ông cậu* (tức gia đình bên vợ). Thiết nghĩ, theo chúng tôi, ý thức đề cao vai trò ông cậu có thể được bắt nguồn từ tư tưởng hiếu khách hoặc tín ngưỡng thờ mẫu của họ.

*Thứ nhất*, theo tư tưởng hiếu khách, nếu người Việt quan niệm trong mối quan hệ tình cảm gia đình

\* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

\*\* Trường Trung cấp Luật Tây Bắc

là dâu con rể khách, thì trong suy nghĩ của người Thái, con rể khi đến nhà bố mẹ chồng phải giữ một đạo, thể hiện rất rõ trong tục ở rể của người Thái: nếu là con tạo bà nàng thì người chồng phải ở rể mười hai năm, nếu là người bình dân thì phải ở rể tám năm. Trong thời gian ở rể đó gần như người đàn ông phải thức khuya, dậy sớm. Trước đây, người Thái do định cư ở những thung lũng hay sườn núi chủ yếu canh tác trên nương nên người con rể phải dậy sớm chế đóm, gánh nước, mài dao cho cả nhà lên nương làm rẫy. Trong phần *đạo lí làm người* ghi rõ: “*Lúc bố vợ uống rượu con rể không được ngồ*”, thể hiện phận làm con rể phải cung phụng, chăm lo, hầu hạ bố vợ.

Người Thái quan niệm người đàn ông khi lấy vợ cũng là lúc lấy đi con gái (người mà bố mẹ vợ sinh thành, nuôi dưỡng từ lúc nhỏ) nên phải trả một khoản tiền gọi là “*Giá đầu*” tiếng Thái là “*Ca hua*” hay “*Xin liêng cin cưa*”, khoản tiền này do sự thỏa thuận giữa hai bên nhà thông gia để đi đến kết luận bao nhiêu cho vừa. Có một khoản khác trong xã hội cũ, nhà trai phải trả năm đồng hai, tiếng Thái “*Hả măn xong*” là bắt buộc phải có, ngoài ra còn phải kèm theo rượu, gạo, thịt, quà cho nhà gái, thường là ống cá, gói cá khô hoặc trứng, khoảng trên dưới 40 phần cho mọi người thuộc họ hàng của nhà gái... Có thể thấy, trong ý nghĩ của người Thái, để lấy được người vợ về nhà mình, nhà trai phải bỏ ra nhiều tiền của, thời gian và công sức nên họ rất trân trọng người vợ và gia đình bên vợ. Chắc cũng vì lẽ này mà hôn nhân của họ ít đổ vỡ.

Một khía cạnh nữa, theo chúng tôi, ý thức quý mến và tôn trọng *ông cậu* còn bị ảnh hưởng bởi thực tế cuộc sống. Ở rể là quãng thời gian người đàn ông sinh sống ở nhà gái mấy năm “*chịu ơn*” gia đình vợ, nên khi có người bên gia đình vợ đến thăm, họ tiếp đón rất ân cần, chu đáo và có đặc cách. Sự đặc cách được thể hiện rõ trong quan niệm về chuẩn bị cơm mời và nghi thức bày biện mâm cơm đãi khách như sau: Nếu khách bình thường (không thuộc họ hàng nhà vợ) thì có thể tiếp đãi theo ý của gia chủ và khách đến thăm. Nhưng nếu khách thuộc họ hàng nhà vợ thì dù có bày tiệc hay mâm cao cỗ đầy thế nào cũng phải có gà được mổ, nếu không có gà phải luộc trứng gà cho lên mâm cơm. Trong bày biện, thường có hai chén rượu để chấp đôi trước vị khách, bên cạnh đó là đĩa gồm: đầu, hai đùi, hai chân gà đặt mà không ăn trong bữa cơm.

*Thứ hai*, trên phương diện tâm linh, ngoài chịu ảnh hưởng chung của tín ngưỡng thờ mẫu của người dân Việt Nam, người Thái còn lưu truyền quan niệm

dân gian “*Lung ta pháuk đáy mã, ai nong pháuk đáy lăp*” có nghĩa là: bên nhà vợ cầu chúc hay mong muốn cho mình tốt đẹp, giàu có thì sẽ giàu có, tốt đẹp. Còn anh em trong dòng họ mà mong muốn thì thường không được như ý nguyện. Trong cuộc sống người Việt chúng ta thường quan niệm “*một giọt máu đào hơn ao nước lã*”, “*anh em như thể chân tay*”, nên thông thường anh em cùng huyết thống dòng họ thường cầu mong cho ai ai cũng được may mắn phước lành. Nhưng theo người Thái những lời cầu mong đó thường khó đạt được, mà chỉ có những mong muốn, chúc tụng, cầu mong từ người bên nhà vợ mới mang lại những điều may mắn cho gia đình bên chồng. Xuất phát từ quan điểm đó, người Thái từ trước đến giờ luôn luôn làm mọi cách để được lòng nhà gái, được bên vợ yêu quý và mong muốn điều tốt đẹp đến với mình.

Một vấn đề nữa mà theo chúng tôi luật tục Thái đã thể hiện ý thức tiến bộ về nhân quyền (tức quyền con người) là thái độ bình vực phụ nữ. Chúng ta thường biết đến các câu chuyện những người phụ nữ trong xã hội cũ của làng Việt nếu bị *chửa hoang* sẽ bị cạo đầu bôi vôi hoặc thả xuống nước. Nhưng trong Luật Mường Mai Sơn, điều 51 quy định về việc xét xử và phạt vạ đường ngoại tình, ăn cắp có quy định: “*Nếu con trai trót yêu để gái chửa hoang là phạm vào lệ bản, luật mường. Việc xử lí thì Mường Mụa vẫn theo lệ của người Thái xưa truyền lại là: “Lệ bản 12, luật mường 24” (tức là nếu người vi phạm là án nhà, tạo, phía, con dòng dõi quý tộc thì bị mức phạt là 24 nén bạc. Nếu rơi vào người bình dân thì chỉ bị phạt 12 nén bạc). Người con gái chửa hoang không bị bản mường bắt nộp phạt nhưng về danh nghĩa vẫn bị gọi là người mang tội. Để tránh tòa án dư luận và bia miệng của người đời, bản làng vẫn cho họ được phép phá thai để bớt tiền phạt vạ của người mình yêu. Hoặc vẫn để cho chửa và để người con không cha để cho người yêu của mình nộp đầy đủ số tiền phạt và chịu mang tiếng suốt đời”* [1; tr 272 - 274].

Với quy định như trên với cùng lỗi “chửa hoang”, chúng ta thấy xã hội Thái cổ truyền đã để lại một hành lang pháp lí rộng hơn nhiều so với các quy định trong luật tục của cộng đồng tộc người khác, theo chúng tôi, đó là một nét tiến bộ và điều này được phản ánh trong pháp luật hiện đại của chúng ta.

## **2.2. Giáo dục ý thức pháp luật thông qua quan niệm nhân sinh trong luật tục Thái:**

**2.2.1. Thông qua quan niệm về con người.** Người Thái cho rằng mỗi người đang sống gồm hai phần là phần thể xác (thân thể) và phần hồn vía gọi là “*Phi*

*khuân*”, theo đó, mỗi một người đang sống có rất nhiều *vía* “*xam xíp tang nả, hả xíp tang lăng*”, có nghĩa là ba mươi *vía* đằng trước, tám mươi *vía* đằng sau. Khi con người chết thì gọi là “*Phi tai*”, khi chết được người thân còn sống gọi mời về nhà mình gọi là “*au phi khủn hươn*”, để rồi sau đó được gọi là “*phi hươn*” tức “*ma nhả*”, còn tổ tiên đã mất thì gọi là “*lắm pang*”. Trong luật tục, phần hồn *vía* có lúc được đặt lên trên cả thân thể và danh dự hiện thực của con người. Điều đó được phản ánh trong các quy định của luật tục về các hình phạt, đối với các hành vi vi phạm, ngoài phần đền bù về tài sản và tiền phạt vạ thì người phạm tội phải cúng *vía* cho người bị hại. Ví dụ: “*Ai ăn cắp rượu cần (lầu xá), phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ rượu 1 lạng bạc và trả lại số rượu đã lấy*”; “*Ai ăn cắp rau, phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn và phải cúng vía cho chủ rau 3 đồng cân bạc và trả lại số rau đã lấy*”; “*Ai đánh tạo phải phạt 25 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho tạo 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu*”; “*Ai chửi ông bà ruột phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho ông bà 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn*”; “*Nếu vợ ốm, chồng phải chăm sóc, thuốc thang. Nếu chồng bỏ đi không trông nom, phạt nhà chồng 35 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu. Nhà chồng mất thêm 5 lạng bạc kèm theo rượu, trâu cúng vía cho nhà bên vợ*”... [1; tr 352-404].

Như vậy, chúng ta thấy tất cả mọi hành vi vi phạm ngoài việc chịu trách nhiệm nộp phạt vạ, người gây ra hành vi phải mất một khoản cúng *vía* cho người bị hại. Tiền phạt vạ của dân thường và các ông quan trừ án nha và con tạo thì đều nộp cho án nha và các quan lại tiêu dùng cá nhân. Còn tiền phạt vạ người phạm tội là án nha và thân nhân của án nha được xung vào ngân khố của bản mường phục vụ tiêu dùng tập thể. Người bị tổn hại do từ những hậu quả phạm luật của kẻ khác chỉ được nhận lại về mình phần cúng *vía*.

Nếu đặt vào hiện thực xã hội Thái cổ truyền, chúng ta sẽ thấy các quy định trong luật tục Thái góp phần rất mạnh vào triệt tiêu động cơ phạm tội của người dân. Nếu trong pháp luật hình sự nước ta hiện nay được quy định tại Khoản 1, Điều 134: “*Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỉ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 3 năm*” [2; tr 77], thì trong luật tục Thái, những hành vi tùm cổ, sờ tay lên đầu người, chửi bới hay gây chút tổn thương nhỏ cho người khác cũng có thể bị xử phạt cúng *vía* cho họ “*Ai chửi bố, mẹ phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn và phải cúng*

*vía cho bố mẹ 01 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn*” [1; tr 381]. Theo đó, người gây hành vi phải đền bù mâm cúng cho người mình xúc phạm.

2.2.2. *Người Thái sớm thể hiện tư duy biện chứng trong nhìn nhận sự vật, hiện tượng.* Họ luôn nhìn nhận sự vật trong mối liên hệ, vận động nhân quả: “*Muốn đẻ bụng đói hãy nằm im/ Muốn ăn ngon trông quả/ Muốn ăn ở nghèo khó thì chỉ nói không làm*” [1; tr 428]; “*Thấy những điều nặng nhọc đừng tránh/ Bà con mình đau ốm đừng lánh xa/ nỗi đau của mình đập đến người/ nỗi đau của người lại đập đến mình*”; “*Chuối đến lúc trĩu buồng phải có cây chạc chống/ lúc đó cây chống chuối/ chuối dựa cây/ mình trông cây người/ người nương nhờ mình*” [1; tr 462].

Xem xét sự vật trong tính toàn diện: “*Thấy mới biết/ biết mới tường/ nghe cho rõ/ nhìn cho thật/ nắm cho chắc, vất cho kiệt/ làm cho kỹ, lèn cho chặt/ phải nghĩ cho rộng, lật đi lật lại, nhìn về phía trước mới nên*” [1; tr 450].

Thấy được tính lịch sử - cụ thể: “*Người biết già/ rượu biết nhạt/ làm quan có lúc mãn/ làm chạ có lúc thô*” [1; tr 440] “*Có lúc cần lấy khôn làm dại/ có lúc cần lấy dại làm khôn/.../ không xem nhẹ khinh thường/ bởi vì thế mà thế/ lên rầm rộ tưởng không bại hóa đụt/ xuống xơ xác tưởng không lên hóa phát*”.

Sự phát triển phải từ tích dần về lượng để đổi về chất: “*Muốn thành việc lớn hãy bắt tay từ việc nhỏ (có quan niệm lưu truyền: “Dệt nọi mưa xú lông chằng puông hang trang/ Dệt lông mưa xú nọi chi chọi hang nu” tạm dịch là: làm từ nhỏ lên lớn mới nở rộng đuôi voi/ làm từ lớn đến nhỏ sẽ vượt nhỏ đuôi chuột)*” [1; tr 428]; “*Cây già mới thành đòn để treo coong*” [1; tr 452].

Như vậy chúng ta có thể thấy, trong quan niệm về con người và cuộc sống người Thái cổ truyền đã thể hiện những ý thức tiến bộ, mang tính biện chứng; thể hiện một tinh thần sống lạc quan, nhìn nhận vấn đề trong mối liên hệ, động và phát triển. Từ đó, nếu thực hiện những quy định của pháp luật, người Thái có thể vận dụng rất linh hoạt, sinh động trong cuộc sống, mặc dù có thể họ chưa thực sự hiểu hết các quy định bắt buộc ấy.

### 3. Một vài ý kiến nhằm phát huy những giá trị giáo dục ý thức pháp luật của luật tục Thái trong đời sống của cư dân Thái hiện nay

Thứ nhất, cần nghiên cứu luật tục Thái có hệ thống và mang tính toàn diện cả luật thành văn và bất thành văn, các phong tục trong đời sống thường ngày để phát hiện những góc khuất ẩn giấu đằng sau chúng.

(Xem tiếp trang 78)

ta cùng những thành tựu to lớn trong công cuộc 30 năm đổi mới đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng, được soi sáng, dẫn đường bởi chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh càng củng cố vững chắc niềm tin, lòng tự hào của mỗi đảng viên, cán bộ, nhân dân vào chủ nghĩa Mác - Lênin, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

\*\*\*

Trong công cuộc đổi mới, Đảng ta nhận thức rất rõ đổi mới không có nghĩa là xa rời mà là nhận thức đúng, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh. Thực tiễn đã cho thấy, nếu mơ hồ, dao động về tư tưởng thì sẽ lúng túng, thậm chí sai lầm trong hoạch định chủ trương, đường lối, rối loạn trong tổ chức và thất bại trong hành động. Vì thế, kiên định và vận dụng sáng tạo, linh hoạt chủ

nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh là vấn đề có tính nguyên tắc đối với Đảng ta. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Học viện Chính trị Công an nhân dân (2015). *Kiểm yếu Hội thảo khoa học “Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong lực lượng Công an nhân dân hiện nay”*.
- [2] Đặng Vũ Hoạt - Nguyễn Hữu Hợp (2014). *Giáo trình Giáo dục học*. NXB Đại học Sư phạm.
- [3] Hội đồng Lý luận Trung ương (2015). *Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [4] Trương Giang Long - Nguyễn Trọng Đạo (2015). *Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong lực lượng Công an nhân dân hiện nay*. NXB Học viện Chính trị Công an nhân dân.
- [5] Phạm Việt Vượng (2000). *Giáo trình Giáo dục học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

## Giáo dục ý thức pháp luật...

(Tiếp theo trang 81)

Từ đó, xây dựng một hệ thống các chính sách phù hợp để bảo tồn và phát huy giá trị, hạn chế tác động tiêu cực.

*Thứ hai*, tổ chức giáo dục các giá trị truyền thống cho giới trẻ, đặc biệt là người Thái, ở các vùng dân tộc Thái nên có các chuyên đề giáo dục ý thức pháp luật lồng ghép vào trường học thông qua sinh hoạt hướng nghiệp, giáo dục công dân.

*Thứ ba*, xây dựng, khôi phục lại các thiết chế văn hóa cộng đồng, lễ hội truyền thống: Nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng, *hạn khuông*...

*Thứ tư*, giáo dục cho thế hệ trẻ dân tộc Thái ý thức, tinh thần tự tôn, tự hào dân tộc với phương châm tìm hiểu, bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống của dân tộc, vừa là trách nhiệm vừa là quyền lợi của mỗi người. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Ngô Đức Thịnh - Cẩm Trọng (2003). *Luật tục Thái ở Việt Nam*. NXB Văn hóa dân tộc.
- [2] Bộ Luật Hình sự (2016). NXB Tư pháp.
- [3] Vì Văn Sơn (2015). *Luật tục người Thái và sự vận dụng trong quản lý nhà nước đối với cộng đồng người Thái ở các tỉnh Bắc Trung bộ Việt Nam*. Luận án tiến sĩ Luật học, Hà Nội.
- [4] Hoàng Trọng Vĩnh (2006). *Mối quan hệ giữa pháp luật với phong tục, tập quán trong điều chỉnh các quan hệ xã hội ở nước ta hiện nay*. Luận án tiến sĩ Luật học, Hà Nội.
- [5] Đào Duy Anh (1951). *Việt Nam văn hóa sử cương*. NXB Bốn phương, Sài Gòn.

## Về việc tích hợp mục tiêu...

(Tiếp theo trang 87)

động và sáng tạo. Sử dụng HĐTĐ để tích hợp mục tiêu GDMN, tạo nền tảng ban đầu cho việc thực hiện quan điểm tích hợp trong giáo dục nói chung, GDMN nói riêng sẽ đáp ứng yêu cầu trên của GD-ĐT. Quan niệm, cách thức tích hợp mục tiêu giáo dục trong HĐTĐ của trẻ cần được giảng viên sư phạm MN, giáo viên MN, các nhà quản lý GDMN quan tâm nghiên cứu và chủ động, sáng tạo vận dụng vào thực tiễn GDMN, nhằm tạo ra bước đột phá, làm thay đổi diện mạo GDMN, đáp ứng yêu cầu của đất nước ta trong việc đào tạo nguồn nhân lực hiện nay. □

**Bài báo là Sản phẩm đề tài B 2016-SPH-10.**

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Văn phòng Trung ương Đảng.
- [2] Kolb D. (1984). *Experiential Learning: experience as the source of learning and development*. Englewood Cliffs, NJ: Prentice Hall.
- [3] Xavier Roegiers (1996). *Khoa sư phạm tích hợp hay làm thế nào để phát triển các năng lực ở nhà trường*. NXB Giáo dục.
- [4] Bộ GD-ĐT (2009). *Chương trình giáo dục Mầm non*, ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT.
- [5] Phạm Văn Lập (1998). *Phát triển chương trình đào tạo - một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.